

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /2025/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc ghi sổ kế toán; thời gian, tỉ lệ tính hao mòn; thời gian, tỉ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 118/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định việc ghi sổ kế toán; thời gian, tỉ lệ tính hao mòn; thời gian, tỉ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc ghi sổ kế toán; thời gian, tỉ lệ tính hao mòn; thời gian, tỉ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh

Yên Bái do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) trên địa bàn tỉnh Yên Bái, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 2. Ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung

Việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị

Việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị được thực hiện theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập.

Điều 3. Việc tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Thực hiện tính hao mòn toàn bộ, không trích khấu hao.

b) Thời gian tính hao mòn, tỷ lệ tính hao mòn như sau:

STT	Loại tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ tính hao mòn (%/năm)
	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện ghi sổ kế toán theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh		
1	Hệ thống công trình cấp nước bơm dẫn	10	10
2	Hệ thống công trình cấp nước tự chảy	10	10

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị

- a) Thực hiện trích khấu hao toàn bộ, không tính hao mòn.
- b) Thời gian trích khấu hao, tỷ lệ trích khấu hao như sau:

STT	Loại tài sản	Thời gian trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ trích khấu hao (%/năm)
I	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đối với trường hợp ghi sổ kế toán là hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh		
1	Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh	25	4
II	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đối với trường hợp ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập		
1	Công trình khai thác nước (Nhà quản lý, nhà trạm bơm)	25	4
2	Công trình xử lý nước (bể sử lý, bể lọc,)	20	5
3	Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch	20	5
4	Thiết bị đo đếm nước	10	10
5	Các công trình phụ trợ có liên quan	15	6,67

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung), Sở Xây dựng (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và thay thế Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thời gian trích khấu hao công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Yên Bái

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị cấp nước sạch nông thôn tập trung, cấp nước sạch đô thị; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, XD, TKTH, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh